

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diễn Nghĩa****Tập 92****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo duyệt: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang một trăm lẻ sáu, xem từ dòng thứ tám, cũng là đoạn thứ hai.

“*Di Lạc Bồ Tát, cập Hiền kiếp trung nhất thiết Bồ Tát, giai lai tập hội*” (Di Lạc Bồ Tát và hết thầy Bồ Tát trong Hiền kiếp đều đến nhóm hội). Đối với câu kinh văn này, trong Chú Giải, cụ Niệm Tổ đã giới thiệu, Di Lạc (Maitreya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Từ Thị, tức là từ bi. “*Bồ Tát chi tánh dã, danh A Dật Đa*” (là họ của Bồ Tát, Ngài tên là A Dật Đa). A Dật Đa (Ajita) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Năng Thắng (không ai có thể trỗi hơn được), có nghĩa là thù thắng khôn sánh. “*Cụ túc tắc vi Từ Thị Vô Năng Thắng*” (nói đầy đủ là Từ Thị Vô Năng Thắng), cũng có nghĩa là trong các vị Bồ Tát, Di Lạc Bồ Tát từ bi nhất. Trên thực tế, Phật Phật đạo đồng, chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát chẳng hề bất bình đẳng. Trí huệ, đức năng, và tướng hảo đều bình đẳng. Những danh hiệu như vậy trong kinh điển không gì chẳng nhằm thể hiện ý nghĩa biểu thị pháp, pháp môn nào sẽ dùng vị Bồ Tát nào làm đại diện, mang ý nghĩa biểu thị pháp. Di Lạc đặc biệt biểu thị lòng từ bi thù thắng, như Văn Thù tượng trưng trí huệ thù thắng, Phổ Hiền tượng trưng sự thực hành thù thắng, Địa Tạng tượng trưng “hiếu thảo cha mẹ, tôn trọng thầy” thù thắng. Thật ra, đều là bình đẳng, chúng ta phải hiểu điều này! Hiện thân, làm việc, ngôn ngữ, danh hiệu trong Phật pháp, không gì chẳng nhằm biểu thị pháp. Nói cách khác, hết thầy đều là phương tiện dạy học, mục đích là không gì chẳng khiến cho hết thầy chúng sanh thấy hình tượng Bồ Tát, đó là thân hành, nghe Bồ Tát giáo huấn, có thể đạt giác ngộ, trở về tự tánh, đây là mục tiêu chung cực trong học tập Phật pháp.

Tiếp đó, cụ Hoàng dẫn chứng: “*Di Đà Sớ Sao vân*” (sách Di Đà Sớ Sao viết). Sớ Sao do Liên Trì đại sư soạn, trong Sớ Sao có một đoạn như vậy, những điều được nói trong đoạn ấy đều là những điều được nói trong kinh điển. “*Dĩ tại mẫu thai trung, tức hữu từ tâm, cố dĩ danh tộc*” (Do khi Ngài còn trong thai, mẹ liền có tâm Từ, nên lấy đó làm họ): Khi mẹ có thai Ngài, tâm từ bi vô cùng rõ rệt; vì thế, bộ tộc của Ngài lấy tên là Di Lạc. Di Lạc là họ của Ngài, dòng họ là bộ tộc, tại cổ đại Ấn Độ là như vậy, mà ở Trung Quốc cũng là như thế. Trung Quốc cổ đại thường lấy dòng họ làm danh xưng của bộ tộc. “*Hựu quá khứ sanh trung, ngộ Đại Từ Như Lai, nguyện đồng thử hiệu, tức đắc Từ Tâm tam-muội*” (Lại nữa, trong đời quá khứ, gặp Đại Từ Như Lai, nguyện có cùng danh hiệu ấy, liền đắc Từ Tâm tam-muội). Trong kiếp trước lâu xa, Bồ Tát gặp Phật nghe pháp, gặp được một vị Phật có hiệu là Đại Từ Như Lai, Ngài làm đệ tử của Đại Từ Như Lai, phát nguyện đời đời kiếp kiếp mong có cùng danh hiệu với thầy. Danh và thực nhất định tương xứng, danh hiệu giống nhau, trí huệ, đức năng, hành trì nhất định chẳng khác thầy, đó là “*thầy trò đạo hợp*”, là truyền nhân của thầy. Do phát nguyện ấy bèn đắc Từ Tâm tam-muội. Tam, đúng mục, còn dịch là Chánh Định, tâm đã định, định trong đại từ đạ-muội (Samādhi) là tiếng

Ấn Độ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Thọ, tức sự hưởng thụ chánh đáng, còn dịch là Chánh Định, tâm đã định rồi, định trong đại từ đại bi.

“*Hưu tích vi Bà La Môn, hiệu Nhất Thiết Trí, u bát thiên tuế, tu tập Từ hạnh*” (Xưa kia, Ngài lại là Bà La Môn có hiệu là Nhất Thiết Trí, tu tập hạnh Từ trong tám ngàn năm). Trong đoạn này nói đến rất nhiều thời đại, đây cũng là sự tích tu hành của Di Lặc Bồ Tát trong đời quá khứ. Lại nữa, trong thời đại ấy, Ngài từng hiện thân làm Bà La Môn. Bà La Môn giáo của cổ Ấn Độ là một tôn giáo vô cùng xa xưa, lịch sử đã lâu đời, hậu thân của tôn giáo này chính là Hưng Đô Giáo (Hinduism) trong hiện tại, người Hoa gọi tôn giáo ấy là Ấn Độ giáo. Nghe nói tôn giáo ấy có hơn một vạn năm lịch sử, chúng ta có thể tin tưởng lời này, người Ấn Độ không coi trọng lịch sử cho lắm, họ chú trọng tu Định, khai ngộ. Điều này cũng có lý, tu Định, khai ngộ là thật; trừ chuyện này ra, như đức Phật đã dạy trong kinh: “*Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, những điều này đều là sự thật. Hiện thời, trên thế giới thừa nhận Ấn Độ giáo có lịch sử tối thiểu là tám ngàn năm trăm năm, họ nói Phật giáo chỉ có hơn hai ngàn năm trăm năm lịch sử. Nói như vậy, tối thiểu Ấn Độ giáo lâu hơn Phật giáo năm ngàn năm, thật sự là một tôn giáo cổ xưa. Bà La Môn giáo coi trọng tu Định, trong kinh điển, đức Phật thường nhắc tới Tứ Thiên Bát Định, những món Thiên Định ấy do Bà La Môn giáo của cổ Ấn Độ đề xướng. Thuở đó, ở Ấn Độ, tất cả các tôn giáo, kể cả các học phái đều coi trọng tu Thiên Định. Trong Định có thể đột phá các chiều không gian, có thể thấy quá khứ, mà cũng có thể thấy tương lai. Họ có năng lực thấy trạng huống trong toàn thể lục đạo, học thuyết lục đạo luân hồi do họ đề ra, đó là cảnh giới do họ đích thân chứng nghiệm trong Định. Nói theo hiện thời, điều này cũng thuộc về Triết Học và Khoa Học, bất quá họ chẳng dùng máy móc khoa học, mà dùng công phu Thiên Định để hoàn toàn thấy được, hoàn toàn thông đạt, hiểu rõ! Đây là giới thiệu đơn giản về Bà La Môn giáo.

[Thuở ấy], Di Lặc Bồ Tát tu hành trong đạo Bà La Môn rất có thành tựu, phải thuộc vào hàng đại sư, nên có hiệu là Nhất Thiết Trí. Trong tám ngàn năm, Ngài thường tu hạnh Từ. Tám ngàn năm là thời gian, niên đại được nói ở đây cũng là niên đại trên địa cầu, Ngài tu đại từ đại bi. Chữ “*hưu*” (lại nữa) tiếp đó nhằm nói đến một thời đại nữa, tức là một thời đại khác, chỉ rõ Bồ Tát tu từ bi không chỉ một đời, một kiếp, mà là đời đời kiếp kiếp, vĩnh viễn tiếp tục không ngừng! Vì thế, ngày nay chúng ta vẫn lấy Di Lặc Bồ Tát tượng trưng cho lòng từ bi trong Đại Thừa Phật pháp. Tiếp đó, nói “*Phát Sa Phật thời*” (thời Phát Sa Phật), đây là danh hiệu của một vị cô Phật, “*dữ Thích Ca Như Lai đồng phát Bồ Đề tâm, thường tập Từ Định*” (cùng phát tâm Bồ Đề với Thích Ca Như Lai, thường tu tập Từ Định). Trong đời ấy, Ngài là bạn học của Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật, đều là học trò của Phát Sa Phật, cùng tu học có thành tựu, Di Lặc và Thích Ca đều mang thân phận Bồ Tát. Tiếp đó, sách Sớ Sao lại nêu ra: “*Tư Ích Kinh vân: Chúng sanh kiến giả, tức đắc Từ Tâm tam-muội*” (Kinh Tư Ích chép: “Chúng sanh trông thấy liền đắc Từ Tâm tam-muội”). Hết thấy chúng sanh trông thấy Bồ Tát, tâm từ bi đều sanh khởi. Do vậy, tại Trung Quốc, các vị tổ sư đại đức thờ Di Lặc Bồ Tát ngay tại cửa chùa. Chùa miếu được xây dựng theo lối chánh quy, bước vào đầu tiên là sơn môn, tức là Thiên Vương Điện. Tứ Đại Thiên Vương là thân hộ pháp trong Phật môn. Tứ Đại Thiên Vương được bày hai bên, chính giữa thờ Di Lặc Bồ Tát, nhưng Di Lặc Bồ Tát được tạc tượng khác với Ấn Độ. Tại Ấn Độ, Di

Lặc Bò Tát [được tạc tượng] rất giống Quán Thế Âm, Đại Thế Chí; ở Trung Quốc thờ tượng Bồ Đại hòa thượng.

Trong lịch sử, thật sự có một vị Bồ Đại hòa thượng, trong Cao Tăng Truyện có chép truyện ký của Ngài. Ngài sanh nhằm thời đại Tống Cao Tông (1107-1187) nhà Nam Tống. Rất nhiều đồng học biết trong lịch sử Trung Quốc có danh nhân Nhạc Phi, tinh trung báo quốc. Bồ Đại hòa thượng cùng thời với Nhạc Phi, xuất hiện tại huyện Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang. Tuy truyện ký ghi chép rất tỉ mỉ, vẫn chẳng biết dòng họ và lai lịch của Ngài. Rốt cuộc, Ngài là người nơi nào, không biết, tên họ gì cũng không biết, thậm chí đối với pháp danh xuất gia của Ngài cũng không biết, chẳng ai biết! Người ta gọi Ngài là Bồ Đại hòa thượng (hòa thượng túi vải) do Ngài hằng ngày cầm một cái túi to đi khắp nơi hóa duyên, người ta cúng dường thứ gì Ngài đều bỏ vào túi. Mỗi ngày gặp người khác đều thật sự hoan hỷ, mặt tràn đầy vẻ tươi cười, người cũng rất mập mạp. Vì thế, tạo tượng Di Lặc Bò Tát đều là tạo hình tượng của Bồ Đại hòa thượng. Theo truyền thuyết, khi vãng sanh, Ngài bảo người khác Ngài là Di Lặc Bò Tát thị hiện. Nói xong bèn tịch, chẳng sanh bệnh, nói ra thân phận bèn ngồi xếp bằng vãng sanh. Vào thời cổ có chuyện như thế, là thật. Phật, Bò Tát thị hiện trong nhân gian chúng ta, hễ thân phận bộc lộ bèn tịch, chẳng thể lưu lại trong nhân gian nữa. Nếu bộc lộ thân phận mà vẫn không tịch, vẫn sống trong nhân gian, tức là giả trá, chẳng thật! Các đồng học học Phật chúng ta phải hiểu điều này, sẽ chẳng bị kẻ khác lường gạt! Kẻ đó nói hấn là Bò Tát hay Phật sống nào đó tái lai, nói xong vẫn chẳng tịch, vậy thì mục đích của hấn là gì ta có thể đoán ra được, vẫn là tham cầu tiếng tăm, lợi dưỡng. Nói rồi bèn tịch thì là thật, chẳng giả tí nào! Do vậy, từ đó trở đi, người Hoa đặt tượng lão nhân gia ở ngay sơn môn, khiến cho hết thấy chúng sanh hễ bước vào sơn môn sẽ thấy vị đầu tiên là Ngài. Vì sao? Đây là như kinh đã dạy: “*Chúng sanh kiến giả, tức đắc Từ Tâm tam-muội*” (chúng sanh trông thấy liền đắc Từ Tâm tam-muội), biểu thị pháp ấy, khiến cho hết thấy chúng sanh hễ bước vào cửa Phật, thấy Ngài đầu tiên, tâm từ bi sẽ sanh khởi. Quý vị thấy Bò Tát hoan hỷ dường ấy, vẻ mặt tràn đầy vẻ tươi cười, bụng to đùng, tượng trưng điều gì? Có thể bao dung. Chớ nên so đo với bất cứ ai, mà có thể bao dung, có thể rộng lòng tha thứ, có thể xử sự, đãi người, tiếp vật bằng đại từ đại bi, biểu thị những ý nghĩa này. Do vậy, đây là giáo dục, là lên lớp.

Đã nói tới Thiên Vương Điện, chúng tôi cũng tiện dịp giới thiệu đôi chút về ý nghĩa biểu pháp của Tứ Đại Thiên Vương. Họ hộ trì Phật pháp, chớ nên không biết họ hộ trì chúng ta ra sao! Họ hộ trì bằng cách chỉ dạy chúng ta hộ trì chính mình như thế nào, tức là hộ trì thân tâm của chính mình. Có thể hộ trì thân tâm của chính mình, hạ người như thế được gọi là “biết yêu thương chính mình”. Yêu mình thì có thể yêu người; chẳng yêu thương chính mình, làm sao có thể yêu thương người khác, há có lẽ ấy? Tứ Đại Thiên Vương tượng trưng cho sự yêu thương chính mình, họ được chia thành bốn vị thiên vương Đông, Nam, Tây, Bắc:

1) Đông Phương Thiên Vương có danh hiệu là Trì Quốc (Hộ Quốc thiên vương, Dhrtarāstra, Đề Đầu Lại Tra). Ý nghĩa Hộ Quốc được mở rộng thành hộ trì chính mình, hộ trì gia đình, hộ trì dòng họ, hộ trì láng giềng làng xóm, hộ trì xã hội, hộ trì quốc gia, hộ trì dân tộc, hộ trì toàn thể thế giới, quý vị phải hiểu ý nghĩa này. [Cần phải lưu ý] một chuyện trọng yếu nhất trong hộ quốc, từ xưa tổ tiên đã dạy chúng ta đạo Trung Dung, điều kiện trọng yếu nhất là phải biết sử dụng Trung, chớ nên thái quá mà cũng đừng bất cập sẽ đạt

đến chỗ tốt đẹp, đó chính là tốt lành nhất, “*chỉ u chí thiện*”. Tiêu chuẩn của Trung là gì? Trong Phật pháp, [Trung được hiểu] sâu hay cạn khác nhau, quá nhiều. Sách Trung Dung<sup>1</sup> trong Tứ Thư của triết học Trung Quốc giảng về Trung, trong ấy tổ tiên Trung Quốc đã giảng về tiêu chuẩn [của Trung].

Danh hiệu của thiên vương khiến chúng ta hiểu Ngài biểu thị ý nghĩa nào. Tay Ngài cầm đàn tỳ bà, tỳ bà là nhạc khí, không phải là nói vị thiên vương này thích ca hát, không phải là ý nghĩa ấy! Đàn tỳ bà biểu thị Trung Đạo. Nhạc khí sử dụng dây thì dây đàn không thể rất căng, quá căng sẽ bị đứt, cũng chẳng thể quá chùng, quá chùng sẽ không phát ra tiếng, phải điều chỉnh thích đáng, phù hợp, âm sắc sẽ hay đẹp, mang ý nghĩa ấy! Quý vị phải điều chỉnh sao cho thích đáng, vừa phải. Trong Đại Thừa Phật pháp, [Trung] được gọi là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế, biểu thị ý nghĩa ấy. Ai có thể hành Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế? Chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ, còn Phật và Bồ Tát thuộc trong mười pháp giới vẫn chưa làm được. Quý vị phải hiểu Trung, chẳng lệch, chẳng tà mới là Trung, người ở trong lục đạo chẳng làm được, vì sao? Họ có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là lệch lạc, tà vạy, chẳng phải là chánh. Trung và Chánh có ý nghĩa giống nhau. Trung Đạo được hành trong bốn thánh pháp giới là tương tự, chưa thật, vì sao? Đã đoạn phân biệt và chấp trước, nhưng chưa hết vọng tưởng, vẫn còn có khởi tâm động niệm, nên chẳng phải là Trung Chánh thật sự. Nhất định phải đạt đến minh tâm kiến tánh, trong cảnh giới sáu trần, sáu căn thật sự làm được “chẳng khởi tâm, không động niệm”, đây mới là thật sự đạt được Trung Chánh, đó là tiêu chuẩn cao nhất của Trung Đạo. Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc, chứng đắc bèn vượt thoát mười pháp giới, chứ không phải chỉ là lục đạo. Hộ Quốc thiên vương biểu thị ý nghĩa này. Chúng ta thấy tượng Hộ Quốc thiên vương bèn hiểu ý nghĩa biểu thị pháp, xử sự, đãi người, tiếp vật phải hành Trung Đạo, chẳng lệch lạc, chẳng tà vạy, mang ý nghĩa này.

2) Nam Phương Thiên Vương có đức hiệu là Tăng Trưởng (Virūdhaka, Tỳ Lô Lặc Xoa), danh hiệu của Ngài là Tăng Trưởng. Tăng Trưởng có nghĩa là không ngừng tiến lên, tiến bộ, mong cầu tiến bộ! Tổ tông Trung Quốc đã dạy: “*Cầu nhật tân, nhật nhật tân*” (ngày một mới, mỗi ngày một mới mẻ hơn), chính là ý nghĩa này. Nói theo Phật pháp sẽ là Tinh Tấn Ba La Mật, Tinh Tấn là trọn chẳng thoái chuyển, mang ý nghĩa này. Tay Ngài cầm kiếm, tức bảo kiếm, bảo kiếm tượng trưng trí huệ, chỉ có trí huệ mới có thể thật sự giúp cho chúng ta tiến bộ, tiến bộ nhưng không để lại hậu quả. Tại Ấn Độ vào thời cổ và tại Trung Quốc xa xưa, tông chỉ giáo dục có mục tiêu chung cực là cầu trí huệ. Phật pháp sau khi truyền đến Trung Quốc đã thúc đẩy Nho và Đạo đều theo đuổi trí huệ. Trí huệ do đâu mà có? Kinh điển cho chúng ta biết: Tự tánh của chúng ta vốn trọn đủ trí huệ. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật dạy: “*Hết thầy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của*

---

<sup>1</sup> Trung Dung là một chương trong sách Lễ Ký, tức chương 31, chưa rõ tác giả là ai, có thuyết nói là do Không Cấp (tự là Tử Tư). Không Cấp (438-402 trước Công Nguyên) là cháu nội của Không Tử, tức con trai của Không Lý, từng theo học với Tăng Tử (Tăng Sâm, một trong những môn đệ đặc ý của Không Tử). Không Cấp được hậu thế xưng tụng mỹ hiệu là Thuật Thánh. Dựa theo văn phong, chỉ có thể đoán sách Trung Dung được hoàn thành cuối thời Chiến Quốc. Mãi đến đời Tống, thiên sách này mới được rút ra thành một bản lưu hành riêng và Châu Hy đã quy định Tứ Thư gồm Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học và Trung Dung.

*Như Lai*”, nói rất rõ ràng, rất rành mạch. [Nói] “*Như Lai*” là nói tới tự tánh, chẳng phải là ai khác, trong tự tánh của chúng ta có trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, nay chúng ta nói là năng lực, năng lực kỹ thuật. Hiện thời, người bình phàm chúng ta gọi “*tướng hảo*” là phước báo, không có gì chẳng viên mãn. Nay vì sao chúng ta có sai biệt? Chúng ta so với Phật và Pháp Thân Bồ Tát khác biệt một trời một vực, vì sao vậy? Đức Phật dạy: “*Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, nên không thể chứng đắc*”, câu này đã nói toạc ra. Thật vậy, chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên trí huệ và đức tướng sẵn có trong tự tánh chẳng thể hiện tiền, chúng bị những thứ ấy chướng ngại.

Do đó, đức Phật dạy chúng ta ba phương pháp nhằm phá ba thứ chướng ngại ấy. Ngài dạy Giới, nếu trì giới thanh tịnh sẽ phá được Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não là chấp trước, có thể phá chấp trước, khôi phục tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh hiện tiền. Tâm thanh tịnh là bản tâm, tâm thanh tịnh là phước báo. Chư vị phải ghi nhớ, chúng ta mong cầu phước thì: Tâm chẳng thanh tịnh sẽ chẳng có phước; tâm đã thanh tịnh, phước báo bèn hiện tiền. Thật đấy, chẳng giả đâu! Có phước, sẽ có địa vị và của cải trong xã hội; nếu tâm không thanh tịnh, phước ấy là giả, chẳng thật. Có địa vị và của cải mà tâm thanh tịnh, phước đó là thật, người ấy thật sự hưởng phước. Thứ hai là dạy chúng ta tu Định, tu Định có thể phá Trần Sa phiền não, tức là phân biệt, đạt được gì? Được bình đẳng, đấy là như kinh Vô Lượng Thọ kinh đã nói “*thanh tịnh bình đẳng giác*”, đạt được bình đẳng. Tâm bình đẳng hiện tiền, bình đẳng là Đại Định, chẳng nổi sóng gió, bình lặng rồi, đấy là cảnh giới của Bồ Tát, đã tiến cao hơn. Cuối cùng đức Phật dạy chúng ta giác, chánh giác, giác chứ không mê, giác có thể phá căn bản vô minh, thành Phật, trở về tự tánh. Đức Phật dạy chúng ta ba phương pháp Giới - Định - Huệ. Vì vậy, trong kinh Phật thường nói: “*Cần tu Giới, Định, Huệ, tức diệt tham, sân, si*” (siêng tu Giới, Định, Huệ, dứt bật tham, sân, si). Thứ nghiêm trọng nhất trong Tham là chấp trước, thứ nghiêm trọng nhất trong Sân là phân biệt, thứ nghiêm trọng nhất trong Si là vọng tưởng, đức Phật dạy chúng ta phương pháp phá ba thứ chướng ngại ấy, trí huệ và đức năng sẵn có trong tự tánh của chúng ta đều hiện tiền, chẳng phải là hướng ra ngoài để cầu. Do vậy, Phật pháp được gọi là Nội Học, kinh Phật được gọi là Nội Điển, chẳng hướng ra ngoài cầu mà cầu từ bên trong là trí huệ, hướng ra ngoài để cầu bèn là tri thức. Tri thức và trí huệ là hai chuyện [khác hẳn nhau]. Giáo dục của người phương Tây nhằm cầu tri thức, chẳng phải là cầu trí huệ. Trí huệ do Giới, Định, Huệ mà có, còn tri thức thật sự là từ tâm ý thức của chúng ta, chúng ta dụng tâm nghiên cứu, làm như vậy càng chẳng ăn khớp với Giới, Định, Huệ, trong ấy chẳng có Giới, Định, Huệ. Giáo dục phương Đông coi trọng Giới, Định, Huệ, đặc biệt là Phật giáo.

Sau khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, đúng như tiên sĩ Thang Ân Tử (Toynbee) đã nói, nó đã phong phú hóa nền văn hóa bản địa của Trung Quốc. Nho gia coi trọng Giới, Định, Huệ, Đạo gia cũng xem trọng Giới, Định, Huệ, tăng trưởng mà! Nâng cao Giới, Định, Huệ, đó là tăng trưởng, Giới, Định, Huệ thúc đẩy hết thảy tiến bộ trong xã hội. Giới, Định, Huệ cũng có thể thúc đẩy quý vị thăng quan, phát tài, nó là chánh đáng, chẳng để lại hậu quả, cao minh hơn phương Tây nhiều. Ở phương Tây, tri thức, khoa học, kỹ thuật phát triển, đến hiện thời chúng ta có thể thấy, chẳng qua là ba trăm năm, chúng ta thấy gì? Thấy ngày tàn của thế giới. Vì vậy, hiện thời họ cũng dần dần giác ngộ, học theo Trung Quốc, học tập Ấn Độ. Trong mấy năm gần đây, họ tìm cầu hóa giải xung đột, khôi phục sự an định trong xã hội và thế giới, chung sống hòa bình. Họ chẳng làm được điều này, khiến cho

xã hội rối loạn, địa cầu bị tổn hại. Địa cầu đã bị tổn hại, theo họ nói, tức theo lời các nhà khoa học, hiện thời địa cầu triển khai sự trả thù đối với nhân loại, sự trả thù ấy chính là tai nạn. Vì sao? Các nhà Lượng Tử Học hiện đại đã biết, hết thảy tất cả hiện tượng vật chất, giống như vi trần được nói tới trong kinh Phật, một hạt vi trần là vật chất, nó có Thọ, Tướng, Hành, Thức, có thể thấy, nghe, hiểu ý nghĩ, ý niệm, hành vi của con người. Nó có ưa, ghét. Ngôn hạnh của con người tốt đẹp, nó sẽ ưa chuộng. Tâm hạnh của con người tạo ác, nó sẽ chán ghét, chẳng phải là vô tri. Do vậy, trong Phật pháp nói vạn sự vạn vật trong toàn bộ vũ trụ đều là thể hữu cơ, sống động, chẳng chết cứng! Hiện thời, các nhà khoa học Lượng Tử phát hiện điều này, là thật, chẳng giả.

Hiện nay, tư tưởng và hành vi của loài người chúng ta có lỗi với địa cầu! Phá hoại sự cân bằng sinh thái tự nhiên, phạm lỗi với nó, nó phải báo thù. Có thể hóa giải tai nạn hay không? Các nhà Lượng Tử Học nói “có thể”, Phật pháp cũng giống như vậy, cũng có cách nói như thế. Chúng ta chỉ cần thay đổi tâm thái, nhận biết chân tướng của hiện tượng tự nhiên, điều chỉnh tâm thái của chính mình, vứt bỏ tham, sân, si, mạn, đoan hết thảy ác, tu hết thảy thiện. Hết thảy vạn vật ưa chuộng thiện pháp, chúng ta tìm lại mười hai chữ “*hiếu đễ, trung tín, lễ nghĩa, liêm sỉ, nhân ái, hòa bình*” của tổ tông, khởi tâm, động niệm, ngôn ngữ, tạo tác đều tương ứng với đức hạnh, xã hội sẽ hòa hài, chẳng có tai nạn. Vì sao? Cảnh chuyển theo tâm, “cảnh” là hoàn cảnh. Đối với đại hoàn cảnh của chúng ta, địa cầu là đại hoàn cảnh, vô lượng vô biên tinh hệ trong không gian cũng là đại hoàn cảnh của chúng ta. Khoa học gia đã đưa cảnh cáo nghiêm trọng nhất, năm 2012, Ngân Hà thẳng hàng, người Maya đã tính như vậy. Chúng tôi thấy có một tài liệu tức là bài phát biểu của tổng cục vũ trụ của Mỹ tuyên bố chuyện Ngân Hà thẳng hàng là có thật, nhưng họ nói không phải là năm 2012, mà là năm 2013, sai khác một năm. Chúng ta có thể hóa giải tai nạn này hay không? Có thể, vì sao? Trong hoàn cảnh cư trụ, tâm chúng ta chánh đáng, không chỉ địa cầu chẳng có tai nạn, mà các tai nạn trong các tinh hệ (hệ thống tinh tú) thuộc vũ trụ cũng có thể hóa giải. Người thâm nhập Đại Thừa biết [như vậy], có tín tâm, chẳng hoài nghi tí nào!

Trong quá khứ đã từng có người bảo cho tôi biết, hy vọng người học Phật chúng ta sẽ nghiêm túc, nỗ lực tu học, thay đổi quỹ đạo của các tinh hệ trong vũ trụ. Lúc đó, tôi nghe xong, hết sức ngỡ ngàng, há có loại năng lực ấy? Phật, Bồ Tát cũng làm không được, lẽ đâu chúng ta có năng lực như vậy? Học kinh Hoa Nghiêm, học bộ Vọng Tận Hoàn Nguyên Quán của Hiền Thủ đại sư, chúng tôi hoảng nhiên đại ngộ “thật sự có loại năng lực ấy”. Các nhà khoa học cận đại đã phát hiện ý niệm có năng lượng chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có bất cứ năng lượng nào có thể sánh bằng năng lượng sanh bởi ý niệm; nhưng trong kinh điển, chúng ta thường đọc thấy điều gì? Không thể liễu giải thấu triệt ý nghĩa của nó. Quý vị thấy trong kinh Phật, từ lúc mới học Phật, chúng ta đã đọc đến rồi, vũ trụ sanh ra như thế nào? “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Điều đọc nhuyễn như cả rồi, nhưng ý nghĩa thật sự được bao hàm [trong câu nói ấy] chẳng biết; vì vậy, chẳng thể sử dụng được, vẫn mê trong cảnh giới y như cũ, chẳng biết chân tướng sự thật của cảnh giới, không biết Thật Tướng của các pháp, rất oan uổng, rất đáng tiếc! Trời cao đã cho chúng tôi sống thọ, chúng tôi rất cảm kích! Nếu tôi chết từ năm năm trước, sẽ chẳng biết đến chuyện này, tôi thật sự biết là đã đọc đến nằm lòng rồi, nhưng chẳng thấu triệt, chẳng thật sự hiểu, chẳng dùng được! Thật sự hiểu, vận dụng được, ứng dụng điều ấy vào đời sống, công việc, xử sự,

đãi người, tiếp vật, học sống động, dùng sống động, tức là quý vị đã thật sự học được! Sách Hoàn Nguyên Quán giảng rõ ràng, minh bạch, lại còn đọc các báo cáo khoa học hiện thời, đối chiếu những điều này, tín tâm của chúng tôi mười phần đầy đủ. Các khoa học gia đã phát hiện, tuy phát hiện, họ chẳng nói rõ ràng và thấu triệt như trong Phật pháp.

Do vậy, chúng tôi nghĩ, tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp với tôi, bảo tôi: *“Triết học trong kinh Phật là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới”*, lão nhân gia giới thiệu điều này với tôi. Nay tôi nhận thấy, không chỉ là đỉnh cao nhất trong triết học toàn thế giới, mà đồng thời cũng là đỉnh cao nhất của khoa học toàn thế giới. Ngày nay, có những vấn đề mà khoa học chưa thể giải quyết, nhưng Đại Thừa Phật pháp đã giải quyết toàn bộ! Quý vị nghĩ xem, các nhà khoa học biết chuyện Ngân Hà xếp thẳng hàng, nhưng bó tay không có cách giải quyết! Phật pháp biết có biện pháp để thay đổi nó, vì sao? Toàn thể vũ trụ do tâm hiện, thức biến, ta muốn sửa đổi một chút khuyết điểm chẳng phải là chuyện thực hiện dễ dàng ư? Ta có thể sáng tạo nó, lẽ đâu chẳng thể thay đổi nó? Phải tin tưởng chuyện này! Trong Tịnh Độ Tông nói tới Tín, Nguyện, Hạnh, tuyệt đối tin tưởng, chẳng có mảy may hoài nghi nào. Sức của một người chúng ta chẳng đủ! Đúng vậy, lời này có lý lắm, chẳng phải là vô lý! Nếu nay chúng ta thật sự chứng đắc địa vị Pháp Thân Bồ Tát thì được, chúng ta có năng lực, một người là được rồi! Chắc sẽ có người hỏi, chư Phật Như Lai rất nhiều, Pháp Thân Bồ Tát càng nhiều hơn nữa, vì sao các Ngài chẳng sử dụng thần thông và pháp thuật để hóa giải tai nạn cho chúng ta? Nếu các Ngài chẳng hóa giải tai nạn, từ bi ở chỗ nào? Chúng ta hỏi, Phật, Bồ Tát sẽ bảo: *“Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ chẳng sai biệt”*, tâm, Phật, chúng sanh có sức mạnh bình đẳng. Nghiệp này do chúng ta tự làm, tự chịu, quý vị tạo tội nghiệp thì người khác sẽ chẳng thể chịu thay, quý vị gây ra sai sót này thì chính mình phải bù đắp, hóa giải, Phật, Bồ Tát chẳng thể hóa giải giùm quý vị. Phật, Bồ Tát nói cho quý vị biết lý luận và phương pháp hóa giải, quý vị phải hiểu rõ lý luận, nương theo phương pháp ấy, sẽ thật sự có thể hóa giải vấn đề, đó là chánh lý.

Sự rối loạn hiện thời do chúng ta gây ra, trong cảnh giới của Phật, Bồ Tát có tai nạn hay không? Không có. Tôi nói với quý vị những câu này đều là lời thật, trong cảnh giới của các Ngài chẳng có tai nạn, nhưng trong cảnh giới của chúng ta có tai nạn. Trong kinh điển thường nói điều này, mỗi người tự lo chuyện sống chết, mỗi người tự nhận lãnh nghiệp báo. Đã làm sai, đừng sợ, nhất niệm hồi đầu, vấn đề lập tức được giải quyết. Cổ nhân Trung Quốc nói: *“Hành hữu bất đắc, phản cầu chư kỳ”* (làm không được thì hãy quay lại xét mình), câu này quan trọng lắm! Oán trời, trách người, tội càng thêm tội, không chỉ chẳng thể giải quyết vấn đề, mà còn khiến cho vấn đề càng thêm nghiêm trọng, chỉ có quay lại tự vấn, vấn đề sẽ thật sự được giải quyết. Kẻ khác chẳng có lầm lỗi, thiên nhiên chẳng có lầm lỗi. Vì sao thiên nhiên biến hiện tai nạn nhiều ngàn ấy? Do tâm bất thiện của chúng ta cảm vò, chẳng phải là thiên nhiên cố ý, nó vô tình. Thiên nhiên biến hóa theo lệnh của ai? Nghe theo ý niệm của chúng ta! Ý niệm của chúng ta tốt lành, thiên nhiên trở thành tốt lành, ý niệm của chúng ta bất thiện, thiên nhiên trở thành bất thiện, đạo lý là như thế đó. Ý niệm làm chủ tể hết thảy, ý niệm thay đổi hết thảy. Quý vị bất thiện thiên nhiên trở thành thiện hay ác đều do ý niệm. Ý niệm của Phật là thanh tịnh, bình đẳng, giác, nên trong cảnh giới của Ngài không có tai nạn. Ý nghĩa biểu thị pháp của Tăng Trưởng Thiên Vương rất sâu, rất rộng, chúng ta phải nghiêm túc học tập. Giới, Định, Huệ trọng yếu hơn bất cứ gì khác, do Giới đắc Định, do Định đắc Huệ.

3) Vị thiên vương thứ ba là Quảng Mục Thiên Vương (Virūpākṣa, Tỳ Lô Bác Xoa) ở phương Tây. Phương Tây và phương Bắc nhắc nhở chúng ta tâm thái tu học. Chúng ta phải làm như thế nào để thật sự đạt được trí huệ? Vì mấu chốt của toàn bộ chính là trí huệ, mục tiêu là hộ quốc, có trí huệ thì mới có thể hộ quốc. Thiếu trí huệ sẽ chẳng thể hộ quốc. Hộ quốc là đại nguyện, tăng trưởng trí huệ là đại đức, đại năng, cầu bằng cách nào? Đa văn, quảng học đa văn, thành tựu trí huệ chân thật. Ở đây, coi trọng Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết, quý vị đạt được quảng học đa văn. Quý vị thấy đạo cụ do Ngài cầm trên tay: Một tay cầm ròng hoặc rắn, ròng và rắn tượng trưng cho lăm nổi thay đổi, quan hệ giữa con người lăm nổi thay đổi, xã hội lăm chuyển thay đổi, vạn vật có nhiều điều thay đổi, thiên biến vạn hóa. Tay kia cầm một viên châu, châu biểu thị điều gì? Biểu thị “chẳng thay đổi”. Trong nhiều nổi thay đổi, quý vị nắm giữ sự chẳng thay đổi. Thường thay đổi là Sự, chẳng thay đổi là Lý, thường biến đổi là Tướng, chẳng biến đổi là Tánh. Cũng có thể nói quý vị dùng “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, vĩnh hằng chẳng thay đổi để quan sát thế giới này và vũ trụ, trí huệ bèn hiện tiền, biết dùng phương pháp gì để an định xã hội này. Thật sự lưu lộ lòng từ bi viên mãn vốn có trong tự tánh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn lìa khổ, được vui, phá mê, khai ngộ.

Giúp đỡ họ lìa khổ được vui như thế nào? Chẳng phải là người ta không có tiền bèn cho tiền, họ không có ăn bèn cho ăn, kẻ ấy không có cái mặc bèn cho [quần áo], từ bi cứu tế như thế là nhỏ nhen, nhỏ bé nhất! Phật là đại từ đại bi, đức Phật dùng phương pháp gì để giúp đỡ hết thảy chúng sanh trong thế gian và xuất thế gian? Giáo học, phải hiểu đạo lý này! Vì sao? Khổ do đâu mà có? Khổ do mê mà có, quý vị chẳng liễu giải Thật Tướng của các pháp (tức chân tướng của vạn pháp trong vũ trụ), đã mê rồi. Do mê nên quý vị suy nghĩ loạn xạ, làm càn, làm quấy, tạo đủ mọi điều bất thiện, chống trái pháp tắc trong thiên nhiên, phá hoại quy luật thiên nhiên, khiến cho hết thảy bị mất cân bằng, tai nạn bèn xảy ra. Vốn không có tai nạn, chúng ta chưa hề nghe nói thế giới Cực Lạc có tai nạn, cũng chẳng hề nghe nói thế giới Hoa Tạng có tai nạn. Cõi trời có tai nạn thì có nghe nói, chứ đối với nơi Phật, Bồ Tát ngự, chưa hề nghe nói có tai nạn, do nguyên nhân nào? Mỗi ngày đều là giáo học, mỗi ngày đều lên lớp. Đạo lý ở chỗ này, chúng ta chớ nên không biết.

Chư Phật, Bồ Tát xuất hiện trên thế gian, có vị nào chẳng giáo học? Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta, mười chín tuổi xuất gia, tham học, ba mươi tuổi thành đạo, học xong trong mười hai năm. Sau khi thành đạo, trong Phật pháp nói là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*” vào lúc ba mươi tuổi. Sau khi kiến tánh bắt đầu giáo học, mãi cho đến khi chết già, lão nhân gia bảy mươi chín tuổi viên tịch. Do vậy, kinh chép suốt đời đức Phật “*giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm*”, mọi người đều biết rõ chuyện này. Phật giáo có phải là tôn giáo? Chẳng phải! Phật giáo là giáo dục. Chúng ta thấy rõ ràng thân phận của Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời dạy học, mang chức nghiệp của một vị thầy, chẳng bỏ sót ngày nào, lão nhân gia đúng là thân hành, ngôn giáo. Những gì Ngài dạy người khác, Ngài đều thực hiện toàn bộ, đó là một vị thầy tốt. “*Học vi nhân sự, hành vi thế phạm*” (học được làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời), tám chữ ấy Thích Ca Mâu Ni Phật thực hiện một trăm phần trăm, thực hiện viên mãn, chúng ta phải nhận thức điều này. Ngài dạy học nhưng chẳng mở trường, không tạo lập cơ sở vật chất, dạy học ở chỗ nào? Phần lớn thời gian là trong núi rừng, dưới gốc cây, bên bờ nước, nơi phong cảnh tốt đẹp, thầy ngồi dưới gốc cây, trò cũng ngồi dưới cội cây, các Ngài chọn



lựa những nơi ấy, học ngoài trời! Suốt đời Ngài chẳng xây cất, chúng tôi thường nghĩ vì sao? Ngài muốn dựng đại đạo tràng thật là chuyện dễ dàng! Gia đình, gia tộc đức Phật là vương tộc, đủ sức để dựng đạo tràng cho Ngài. Kinh điển ghi chép, thuở ấy ở Ấn Độ, vua mười sáu nước lớn, chẳng nhắc tới những vua nước nhỏ, mười sáu vị đại quốc vương đều là đệ tử Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài muốn tạo dựng một đạo tràng, chẳng phải là chuyện dễ dàng ư? Chỉ cần nói một chút, chẳng cần tốn sức nghĩ ngợi, đạo tràng bèn thành tựu, nhưng Ngài chẳng dựng. Vì sao? Đại từ đại bi, thể hiện lòng từ bi khôn sánh. Có đạo tràng sẽ có kẻ tranh chấp, người đến học tập tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thể nói là toàn thể, nhưng trong ấy nhất định có kẻ tâm chẳng thanh tịnh toan không chế, chiếm hữu đạo tràng ấy! Vì vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật không làm chuyện này, từ bi đến tột bậc. Một kẻ có ác niệm, Ngài đều ngăn chặn hẳn.

Phương thức sống là mỗi ngày ăn một bữa, đêm nghỉ dưới cội cây, đoạn sạch sành sanh tham, sân, si, mạn, nghi, tâm đặt nơi Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa. Học trò Phật chẳng ít, chúng ta dựa theo tướng tượng, sách vở cổ điển của Trung Quốc ghi chép đệ tử của Khổng Tử là ba ngàn người, trong số đó có bảy mươi hai người hiền (Thất Thập Nhị Hiền). Tôi tin Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng kém Khổng Tử, kinh điển thường ghi chép một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, [những vị ấy tương đương với] Thất Thập Nhị Hiền của Khổng Tử, Thích Ca Mâu Ni Phật có hơn một ngàn vị [hiền nhân]. Mỗi buổi giảng, mọi người tới tham gia, chẳng phải là [những người] thường tiếp xúc [đức Phật], ở đây không ghi chép, chỉ nói là đại chúng rất đông, tôi nghĩ đại chúng sẽ chẳng ít hơn một ngàn năm trăm người, gộp thành ba ngàn. Chúng ta thấy kinh này nói tỳ-kheo tăng đến hai vạn người, chuyện này rất ít được nói tới. Chúng ta thấy trong hội Pháp Hoa và hội Vô Lượng Thọ người [tham dự] rất đông, do vậy, từ chỗ này ta có thể nhận biết: Đức Phật dạy học cả đời, học trò đông ngàn ấy, nhưng chẳng có tổ chức, đức Phật chẳng chia thành mấy lớp, người nào thuộc lớp nào, mời ai làm trưởng lớp nào. Nếu thuở ấy mà có, kinh điển nhất định ghi chép, đây là đại sự [lẽ nào] chẳng ghi chép. Thầy chỉ có một, học trò đông đúc, các học trò ưu tú bèn giúp đỡ những học trò căn tánh kém cõi hơn một chút, đều là tự động, tự phát, đều là người một nhà, đệ tử cùng một thầy, các đệ tử ở cùng nhau giống như anh em trai, chị em gái. Đây là nói tới luân lý trong Phật pháp, không chỉ là đem kinh điển dạy chúng ta, mà quý vị thấy Ngài nêu gương cho chúng ta xem, ai nấy đều thi hành Lục Hòa Kính. Chúng tôi thường nghĩ thuở Phật Đà tại thế, thầy dạy mỗi ngày, trò học tập mỗi ngày. Thiên vương phương Tây tượng trưng cho chuyện này, ý nghĩa ấy quá sâu!

4) Thiên vương ở phương Bắc là Đa Văn (Vaiśravaṇa, Tỳ Sa Môn). Tây Phương Quảng Mục, Bắc Phương Đa Văn, xem nhiều, nghe nhiều. Bắc Phương Thiên Vương tay cầm lọng, lọng có dụng ý ngăn ngừa ô nhiễm. Hiện thời, trong xã hội đề xướng “hoàn bảo” (bảo vệ môi trường), lọng tượng trưng cho sự bảo vệ môi trường, dẫn khởi ý nghĩa ngăn ngừa ô nhiễm thân tâm. Quý vị thấy: Xem nhiều, nghe nhiều, ngăn ngừa ô nhiễm, khôi phục thanh tịnh, bình đẳng, giác, thật sự bảo vệ chính mình. Ngài dạy chúng ta bảo vệ chính mình ra sao. Đó chính là hình tượng được tạc của Tứ Đại Thiên Vương. Danh hiệu gia trì công đức của chúng ta, quý vị phải hiểu điều này. Họ dùng gì để che chở quý vị? Dùng danh hiệu này, dùng [hình tượng của bốn vị thiên vương] để biểu thị ý nghĩa này, quý vị đã thật sự hiểu rõ, sẽ biết trong cuộc sống hằng ngày, xử sự, đãi người, tiếp vật, tuân thủ những nguyên lý và nguyên tắc ấy, sẽ đạt được thân tâm an định, đạt được thanh tịnh,

bình đẳng, đó là gia trì thật sự. Chẳng phải là thấp hương, lễ bái, dập đầu cầu nguyện, xin các Ngài phù hộ cho con, như thế là mê tín. Mê tín thì làm sao có thể truyền được hai ngàn năm trăm năm? Nhưng hiện thời đúng là mê tín, vốn là trí huệ, nay biến thành mê tín. Trí huệ có thể truyền hai ngàn năm trăm năm; mê tín thì sợ rằng hai mươi lăm năm cũng chẳng truyền được, thật đấy, chẳng giả đâu!

Hai tháng trước, vào tháng Sáu, chúng tôi theo đoàn phỏng vấn tôn giáo của Mã Lai đến thăm Vatican ở La Mã, gặp gỡ Giáo Hoàng. Hồng Y Giáo Chủ Đào Nhiên (Jean-Louis Tauran) thuộc Tòa Thánh cùng chúng tôi trao đổi, nghe ông ta báo cáo. Ông ta cho chúng tôi biết: Trong xã hội hiện thời, người tín ngưỡng tôn giáo mỗi năm một ít đi. Họ có thống kê, người chịu lễ rửa tội mỗi năm một ít hơn. Trong nhà Phật gọi là Quy Y, tức là người quy y [đạo Thiên Chúa] mỗi năm một ít hơn. Theo lập trường của một giáo sĩ, họ rất lo ngại, cứ như vậy, tôn giáo sẽ dần dần biến mất trên địa cầu. Lần lượt đến phiên tôi trình bày, tôi cũng tha thiết thưa với mọi người, vì sao lúc các vị giáo chủ sáng lập tôn giáo thuở ấy, cũng như thời các vị cổ thánh tiên hiền kế thừa truyền thống, một mục kéo dài mấy ngàn năm cho đến hiện thời là do nguyên nhân nào? Hiện thời chúng ta gặp gỡ quần chúng, quần chúng bỏ rơi, rời khỏi chúng ta. Trong quá khứ, giáo chủ, tổ sư đại đức truyền giáo ở nơi đâu, tín chúng từ phương xa tụ hội đến, nay chúng ta ở đây họ bèn bỏ đi, do nguyên nhân nào? Chúng ta suy nghĩ vào thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật là giáo học, một nền giáo dục tốt đẹp như vậy, người ta nghe thấy bèn hoan hỷ, nên người ta kéo đến, nay thì sao? Chẳng có giáo học. Rất nhiều tôn giáo ở ngoại quốc lo cầu nguyện, Phật giáo tại Trung Quốc thì lo làm kinh sám Phật sự, pháp hội, ngay như Tam Thời Hệ Niệm của chúng ta cũng giống như chuyện cầu nguyện của họ, những người trẻ tuổi trong xã hội trông thấy chẳng tin, [chê là] mê tín. Thôi rồi! Hễ nói đến mê tín thì còn ai muốn đến nữa? Đương nhiên đều bỏ đi, đạo lý ở chỗ này!

Chúng ta phải cứu vãn tôn giáo như thế nào? Phải đưa tôn giáo trở về giáo học. Phải biết: Kinh điển chẳng phải để tụng! Vì sao? Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài chẳng viết một bộ kinh nào! Kinh điển do đâu mà có? Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch, các đệ tử nhớ lại các giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật mà họ đã được tiếp nhận trong một đời, cũng là hội tập, thỉnh tôn giả A Nan nhắc lại, đại chúng cùng nghe, xem A Nan có nói sai hay không. Năm trăm vị A La Hán chứng minh, chép lại thành văn tự lưu truyền hậu thế, đó là nguồn gốc của kinh điển. Chúng ta hiểu rõ kinh điển nhằm dạy chúng ta hiểu lý, vâng giữ quy củ, sống như thế nào, dùng tâm thái gì để làm việc, đãi người, tiếp vật, nhằm nâng cao linh tánh của chính mình, đức Phật dạy chúng ta những điều ấy, chẳng dạy chúng ta niệm kinh, càng chẳng dạy chúng ta siêu độ. Siêu độ là phải đem công đức chân thật của chính mình, đối với xã hội và hết thảy đại chúng dâng hiến công đức chân thật, hồi hướng cho thân nhân của quý vị. Phương pháp siêu độ trong Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện Kinh là như thế, chẳng có kinh sám Phật sự, nói theo Lý cũng thông suốt. Vì thế, chúng ta chớ nên không biết, chớ nên chẳng giác ngộ điều này. Chúng ta dạy học mỗi ngày, cùng nhau học tập mỗi ngày, biến các đạo lý được giảng trong kinh điển thành tư tưởng và kiến giải của chúng ta, và cũng biến rất nhiều lời khuyên bảo trong kinh điển thành hành vi trong cuộc sống của chính chúng ta, kinh điển có công hiến quá lớn đối với chúng ta. Từ kinh điển, chúng ta học tập cách làm người, biết làm một người tốt, chính mình làm được sẽ ảnh hưởng cả nhà, nhà chúng ta sẽ là một gia đình thật sự hạnh phúc mỹ

mãn; hạnh phúc mỹ mãn ấy do đức Phật dạy dỗ. Lại mở rộng ra, chúng ta sẽ có xã hội hài hòa, thế giới hòa hợp, đó là công hiến chân thật của chư Phật, Bồ Tát đối với thế giới và nhân loại, chẳng giả tí nào! Phật giáo là như thế, mà các tôn giáo khác cũng đều như thế. Các tôn giáo học tập lẫn nhau, chỉ có học tập lẫn nhau mới có thể nâng cao chính mình, giống như tại Trung Quốc, Nho và Đạo tiếp nhận Phật pháp, học tập kinh điển, nâng cao văn hóa bản địa, có cùng một đạo lý!

Quảng Mục thiên vương đã thị hiện ngăn ngừa tạp loạn, Đa Văn thiên vương thị hiện ngăn ngừa ô nhiễm. Thiên Vương Điện gồm bốn vị thiên vương và Di Lạc Bồ Tát đã ban cho chúng ta bài học thứ nhất. Hết sức đáng tiếc là hiện thời mọi người đã bỏ sót, quên khuấy ý nghĩa này, coi Di Lạc Bồ Tát và các thiên vương như thần tiên, đốt hương, lễ bái cầu phước! Há có chuyện như thế ư? Mười phần mê tín. Sa sút như vậy, Phật giáo sẽ dần dần bị suy diệt, mà cũng có thể chẳng còn nữa! Phật giáo bị diệt trong đời này của chúng ta, người trong thời đại chúng ta có thể thành tựu hay chẳng? Niệm Phật có thể vãng sanh hay chẳng? Tôi nghĩ chẳng thế nào, thả đều vào địa ngục. Vị thầy tốt như thế, nhưng quý vị làm cho đại chúng trong xã hội nảy sanh hiểu lầm nghiêm trọng đối với thầy, quý vị có tội lỗi hay không? Chúng ta làm sao để xứng với thầy? Phương pháp duy nhất là quay đầu. Thật sự quay đầu là bỏ, nghiêm túc học tập kinh giáo, thực hiện trong cuộc sống, nâng cao phẩm chất cuộc sống, công hiến chân thật, đây là mới là Phật pháp tồn tại lâu dài trong nhân gian, chánh pháp tồn tại dài lâu. Thừa mọi người, trong ấy có giáo dục luân lý, giáo dục đạo đức, giáo dục nhân quả, giáo dục triết học, giáo dục khoa học viên mãn. Những gì đại chúng trên thế gian đang theo đuổi trong hiện thời, trong kinh Phật đều có cả, đó là lòng đại từ đại bi chân chánh. Vì thế, chúng sanh hãy trông thầy, nghe tên đều đắc Từ Tâm tam-muội.

Tiếp theo là “*hựu Bi Hoa kinh vân: Phát nguyện u đao binh kiếp trung, ủng hộ chúng sanh*” (lại nữa, kinh Bi Hoa nói: “Phát nguyện ủng hộ chúng sanh trong kiếp đao binh”). Nay chúng tôi đọc câu này, cảm xúc thật sâu! Trong nhiều tiên đoán về sự ngày tận thế, có một tiên đoán hầu như mọi người đều nhắc tới, chiến tranh thế giới lần thứ ba là vũ khí nguyên tử, hoặc chiến tranh sinh hóa, chúng là đại tai nạn hủy diệt địa cầu. Di Lạc Bồ Tát phát nguyện trong kiếp đao binh, tức là nói về thời đại này, Ngài sẽ đến ủng hộ chúng sanh, chúng ta thường nói: Ngài đến che chở, gia trì chúng sanh. Chúng ta mỗi ngày thắp hương, lạy lục Ngài có được hay chẳng? Không được, sai lầm rồi, đó là mê tín. Phải nên như thế nào? Phát huy rộng lớn tinh thần đại từ đại bi của Di Lạc Bồ Tát; hiện thời trong thế gian này chẳng có lòng yêu thương, Di Lạc Bồ Tát tượng trưng cho sự yêu thương. Quý vị nghĩ xem đại từ đại bi có thể nào chẳng hiếu thuận với cha mẹ ư? Bất hiếu với cha mẹ là thiếu từ bi. Có thể chẳng kính trọng sư trưởng ư? Bất kính sư trưởng là thiếu từ bi. Lòng đại từ đại bi của quý vị thiếu năng lực mở rộng đến xóm giềng làng nước, đến quốc gia, dân tộc, đó chẳng phải là chân ái! Cổ nhân Trung Quốc đã nói: “*Nhân dân cập vật*” (nhân từ đối với dân và vật), “*nhân*” là nhân từ, đối đãi nhân từ với hết thảy mọi người, tâm yêu thương thanh tịnh, bình đẳng, sau đây còn mở rộng đến cả loài vật. Đây là Đại Thừa Phật pháp đã phong phú hóa văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Vật là gì? “*Vật*” là vạn vật, tức vạn vật trong trời đất. Tâm yêu thương của chúng ta như Phật pháp đã nói: “*Từ bi trọn pháp giới, thiện ý ngập nhân gian*”, chẳng phải là khẩu hiệu, mà là thật sự làm được, làm rất viên mãn, làm rất thù thắng. Thật sự có thể làm được, chúng ta mới thật sự

bước vào Phật môn, vượt qua Thiên Vương Điện, quý vị mới thấy Phật, Bồ Tát. Chẳng vượt được cái ải Thiên Vương Điện sẽ chẳng thấy Phật, Bồ Tát, ý nghĩa này sâu lắm!

Di Lặc Bồ Tát là ai? Phải hiểu rõ ràng, Di Lặc Bồ Tát là lòng từ bi trong tự tánh của chính mình. Phật, Bồ Tát từ bi, các Ngài thị hiện hình tướng, ngôn ngữ, âm thanh, nhằm dẫn khởi lòng từ bi trong tự tánh của chúng ta. Quý vị thấy: Trong đời quá khứ, Di Lặc gặp Đại Từ Như Lai, nguyện có cùng danh hiệu ấy, thật sự đã đồng, vì sao? Chúng đắc Từ Tâm tam-muội. Từ Tâm tam-muội là tâm từ bi vĩnh viễn chẳng thoái chuyển, an trụ trong từ bi, hết thấy thời, hết thấy chỗ luôn một lòng từ bi đối với hết thấy chúng sanh, có ý nghĩa này! Bản thân chúng ta đã làm được sẽ cảm động, lan truyền sang người khác. Chẳng thể khiến người khác cảm động là vì bản thân chúng ta làm chẳng đủ, đừng nên trách người khác là căn tánh của họ chậm lụt, hoặc nghiệp chướng nặng nề, chẳng phải vậy. Đó là do chính mình nghiệp chướng nặng nề. Tánh con người vốn lành, quý vị nhất định phải thừa nhận lời Phật dạy: *“Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai”*. Từ bi là một phần của đức, là một phần vô cùng trọng yếu, là phần máu chốt. Phật pháp nói từ bi, trong Ngũ Luân của Trung Quốc có nói *“phụ tử hữu thân”* (cha con có tình thân ái), thân ái chính là từ bi. Giáo dục Trung Quốc phát xuất từ chỗ này, lại trở về nguồn đúng chỗ này. Quý vị thấy trong nhà Phật, quý vị bước vào cửa là từ bi, mắt quý vị thấy vị đầu tiên chính là Di Lặc Bồ Tát; quý vị rời khỏi tự viện, vẫn phải từ sơn môn ấy đi ra, quý vị vẫn phải trông thấy Ngài, từ đầu đến cuối là một bầu từ bi, đấy là Phật pháp. Phật pháp giáo dục điều gì? Giáo dục từ bi, giáo dục yêu thương, lại còn là giáo dục lòng yêu thương thanh tịnh, bình đẳng. Phật giáo chẳng có công hiến đối với xã hội là vì đệ tử học Phật trong Phật môn chúng ta chẳng thực hiện lòng yêu thương ấy, chẳng nói rõ ràng lòng yêu thương đó. Chẳng nói rõ ràng là lẽ đương nhiên, vì sao? Chẳng làm được! Có làm được thì quý vị mới có thể nói rõ ràng, làm không được thì làm sao có thể nói rõ ràng cho được? Há có đạo lý ấy? Yêu thương có thể hóa giải xung đột, đối lập, mâu thuẫn, cho nên chẳng còn chiến tranh, có thể hóa giải đao binh kiếp!

Chúng ta xem câu cuối cùng, *“thị tắc từ long tức thế”* (vì thế, lòng Từ chan chứa đương thời), đại từ đại bi, long (隆) là hưng long (興隆: chan chứa, dồi dào), *“tức thế”* là hiện tại, đang trong hiện tiền, *“bi trấn hậu kiếp”* (lòng Bi đến tận các kiếp sau), *“hậu kiếp”* là tương lai. Chúng ta có thể yêu thương, bảo vệ hiện tại, xung đột trong thế gian hiện thời đã được hóa giải, xã hội đã an định, thế giới hòa bình. Không chỉ là hết thấy chúng sanh trong hiện tại được lợi ích, mà đời sau cũng được lợi ích. Chúng ta phải giống như cỏ nhân, khéo dạy dỗ thế hệ kế tiếp, điều này trọng yếu lắm! Trong xã hội hiện tại, mọi người không hiểu sự giáo dục, bao nhiêu phụ nữ hoặc người mẹ trẻ tuổi chẳng biết dạy bảo con thơ ra sao! Hiện thời còn có khá nhiều giáo viên chẳng biết dạy học trò như thế nào! Tôi đã gặp rất nhiều, kẻ làm mẹ tìm tôi kể khổ, kẻ làm thầy cũng như vậy! Những chuyện ấy không thể trách họ được, kinh Vô Lượng Thọ đã nói rất hay: *“Tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã”* (Người đời trước chẳng biết, chẳng hiểu đạo đức, không có ai nói với họ, trọn chẳng đáng trách), đừng trách móc họ! Quý vị chê trách họ sẽ là tàn nhẫn, nhân duyên của chuyện này rất phức tạp.

Trung Quốc kể từ sau khi nhà Thanh mất nước, một trăm năm qua, xã hội lâm vào cảnh động loạn, chẳng được an định, quân phiệt cát cứ, chiến tranh kháng Nhật. Đặc biệt là

cuộc chiến tranh kháng Nhật đã đánh sụp văn hóa truyền thống khiến nó chẳng còn nữa, tôi thiếu là chúng ta đã đánh mất [văn hóa truyền thống] bốn thế hệ. Người hiện thời chẳng biết đến giáo dục truyền thống, quý vị hỏi cha mẹ, họ cũng chẳng biết, quý vị hỏi ông bà cô họ cũng không biết. Nói chung là phải ông bà sơ thì họ mới biết, làm sao quý vị trách họ được? Hiện thời muốn phục hưng văn hóa truyền thống nhất định gặp khó khăn. Cổ nhân nói rất hay: “*Gần sơn ắt đỏ, gần mực thì đen*”. Trong xã hội hiện thời, chẳng thấy sơn đâu nữa, không có, toàn là đen thui, vì sao? Đại biểu cho màu đen ấy chính là TV, Internet, truyền thông, nhật báo, tạp chí, mỗi cá nhân trên toàn cầu hằng ngày tiếp xúc những thứ ấy, hề tiếp xúc bèn bị ô nhiễm. Tiếp xúc mà chẳng bị nhiễm bần thì Quảng Mục thiên vương làm được, chứ chúng ta chẳng làm được! Quảng Mục thiên vương có Định Tâm Châu, tâm Ngài là định, thấy rõ ràng, nghe rõ ràng, tâm Ngài chẳng dao động, chẳng biến đổi. Người ta có bản lãnh to lớn, viên châu của Ngài chính là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Chúng ta có thể nào chẳng bị nhiễm bần ư? Vì thế, con cái bị nhiễm bần từ nhỏ, chính mình cũng bị nhiễm bần. Quý vị phải biết, bản thân quý vị bị nhiễm bần bảy phần, con cái quý vị bị nhiễm bần mười hai phần, đến thời cháu quý vị chỉ sợ bị trở thành nhiễm bần đến hai mươi bốn phần, đáng hãi quá! Vì thế, thế giới có thể bị tận thế!

Do đâu có ngày tận thế? Do ý niệm bất thiện cảm ứng, nguyên nhân là như thế đó. Nếu muốn cứu vãn, đoạn kinh văn này hay lắm, cứu từ chỗ nào? Cứu bằng tâm từ bi, cứu bằng tâm yêu thương. Trước hết, chính mình quay đầu, tự yêu thương. Tự yêu thương nhất định phải học theo Tứ Đại Thiên Vương, phải học theo Di Lạc Bồ Tát, thật sự tự yêu thương chính mình. Mắt ta chẳng thể không nhìn, tai chẳng thể không nghe, thật sự giữ gìn sự thanh tịnh, bình đẳng, giác của chính mình như thế nào để chẳng bị xã hội quấy nhiễu, chẳng bị xã hội dẫn dụ, mê hoặc, đó là quý vị thật sự tự yêu thương. Quý vị đã có thể tự yêu thương, nhất định sẽ cảm động cả nhà, con cái trong nhà quý vị sẽ dễ dạy. Thầy biết tự yêu thương sẽ cảm động học trò, con người tánh vốn lành. Chỉ cần thầy tâm chánh, hạnh chánh, tôi nghĩ học trò cũng hoan hỷ, cũng bằng lòng theo học lớp của quý vị. Cả nhà quý vị tốt đẹp, sẽ ảnh hưởng xóm giềng, ảnh hưởng thân thích, bạn bè. Khiến cho cả thế giới khôi phục như thế nào? Ít nhất phải là một trăm năm, phải mất một thế kỷ, thế giới này mới có thể khôi phục bình thường, lại còn phải có nhiều người ngàn ấy thật tâm thực hiện. Nếu không có những người ấy thực hiện, sẽ là như chúng ta thường nghe nói trong hiện thời, tận thế! Địa cầu bị hủy diệt. Chúng ta quan sát cẩn thận chuyện này xem có thể xảy ra hay chẳng?

Vì vậy, đọc đến chỗ này, “*chí cực chí từ*” (lòng Từ tột bậc), câu này hay lắm, khuyên chúng ta phải phát tâm học tập Di Lạc Bồ Tát, phải học giống hệt như Ngài, “*siêu xuất phạm tiêu, cố Vô Năng Thắng*” (vượt trội phạm phu, Tiểu Thừa, nên không ai có thể hơn được). Vô Năng Thắng là nói biến đổi bản thân chúng ta, đoạn ác, tu thiện, phá mê, khai ngộ, chuyên phạm thành thánh, khởi điểm là lòng Từ đến tột bậc. Bốn chữ ấy chẳng hai, chẳng khác với khái niệm “*phụ tử hữu thân*” trong Ngũ Luân của Trung Quốc. Hiện thời, giáo học truyền thống bị coi nhẹ, chẳng nhắc tới, [chỉ có] thiếu sót, rất ít người học tập Đại Thừa đọc được điều này trong kinh điển, hiểu minh bạch, rõ ràng, nghiêm túc nỗ lực thực hiện, cứu chính mình, cứu gia đình, cứu con cháu, cứu người đời, cứu địa cầu bằng một câu nói này. Vì thế, nói là Vô Năng Thắng.

Lại xem đoạn kế tiếp, “*Đại sĩ vị cư Bồ Xứ*” (đại sĩ thuộc địa vị Bồ Xứ), dùng chữ Đại Sĩ để gọi Di Lạc Bồ Tát, thật sự có vị này. Ngài thuộc địa vị nào? Ngài là Đẳng Giác Bồ Tát, là hậu bồ Phật sau Thích Ca Mâu Ni Phật. Phật Thích Ca là vị Phật thứ tư trong Hiền Kiếp, chúng ta nay thuộc pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng có nghĩa là sự giáo hóa của Ngài có ảnh hưởng đến một vạn hai ngàn năm. Theo cách ghi chép của người Trung Quốc, [từ khi] Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ cho tới hiện thời là ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, những vị đại đức trong Phật giáo Trung Quốc từ xưa đều tuân theo cách tính niên đại này. Ba ngàn lẻ ba mươi bảy năm, sau đây còn có chín ngàn năm nữa, [gộp thành] một vạn năm, thời Mạt Pháp mới qua một ngàn năm, còn có chín ngàn năm sau nữa, tức là sự giáo học của Thích Ca Mâu Ni Phật hãy còn ảnh hưởng tới chín ngàn năm. Trong chín ngàn năm, đương nhiên có lúc [Phật pháp] hưng vượng, có lúc suy vi. Trong quá khứ, Chương Gia đại sư đã nói cho tôi biết chuyện này, nay chúng ta đang thuộc giai đoạn Phật pháp suy vi, suy đến tột cùng sẽ hưng vượng trở lại. Thầy bảo tôi, phải có lòng tin nơi Phật, Phật pháp sẽ chẳng diệt vong, cũng có nghĩa là thế giới này chẳng phải sẽ chấm dứt như người ngoại quốc nói. Có tai nạn là thật, nhưng chẳng thể tận thế, trong nhà Phật chẳng có thuyết tận thế.

Ngài hiện đang ở đâu? “*Tại Đâu Suất nội viện*”, Di Lạc Bồ Tát ở nơi ấy, cõi trời Đâu Suất, tức tầng trời thứ tư trong Dục Giới. Từ quả đất của chúng ta tính lên, tầng thứ nhất là Tứ Vương Thiên, tầng thứ hai là Đao Lợi Thiên, tầng thứ ba là Dạ Ma Thiên, tầng thứ tư là Đâu Suất Thiên, Ngài ở trong tầng thứ tư, trên đó còn hai tầng nữa, [đó là] Dục Giới. Lại lên trên nữa là Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Vì vậy, Ngài ngự trong tầng trời thứ tư trong Dục Giới. “*Tứ thiên niên hậu*” (bốn ngàn năm sau), bốn ngàn năm là thọ mạng trong cõi trời Đâu Suất, [cụ Hoàng] mở đầu ngoặc ở đây, “*chỉ Đâu Suất Thiên chi tứ thiên niên*” (chỉ bốn ngàn năm trong trời Đâu Suất), chẳng phải là bốn ngàn năm trong nhân gian chúng ta, thời gian sai khác rất lớn. Vì một ngày trong Đâu Suất Thiên bằng bốn trăm năm trong nhân gian, nên nhân gian sống một trăm tuổi, Đâu Suất Thiên thấy [nhân gian chúng ta] rất đáng thương, tương đương với gì? Sáu giờ. Bốn lần sáu là hai mươi bốn, hai mươi bốn giờ, một ngày của họ bằng bốn trăm năm trong nhân gian chúng ta. “*Trương đương u địa cầu thương chi ngũ thập thất ức lục thiên vạn niên*” (tương đương năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm trên địa cầu), cũng có nghĩa là tính theo thời gian trên địa cầu, sau năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Ngài sẽ đến thế gian này thành Phật, tức vị Phật thứ năm. “*Hạ sanh thử giới thành Phật*” (hạ sanh thành Phật trong cõi này). Thời gian trong thế gian này không có Phật rất dài! Pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật đã suy rồi, hiện thời học Giáo cũng thế, mà học Thiên cũng thế, học Mật cũng thế, thật sự vô cùng khó khăn. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo với tôi điều này, cụ đích thân học Thiên, học Thiên với lão hòa thượng Hư Vân, theo Công Cát lão nhân học Mật. Cụ bảo tôi, trong đời cụ, chẳng có ai học Thiên khai ngộ, đặc Định còn được mấy vị, không nhiều lắm, đặc Thiên Định nhưng chưa thể khai ngộ. Cụ cho biết kẻ học Mật kê từ khi nước Trung Hoa mới được thành lập cho tới hiện thời, kẻ học Mật có thành tựu tại Trung Quốc Đại Lục chỉ có sáu người, quá ít ỏi! Bản thân cụ niệm Phật vãng sanh, khi ấy, cụ cho tôi biết, mỗi ngày cụ niệm Phật bèn niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu, ra đi rất thù thắng, thật sự niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ. Chúng ta chớ nên không biết những sự thật này.

Trong tương lai, Di Lạc Phật hạ sanh làm Phật, “tam hội Long Hoa, độ sanh vô lượng” (ba hội Long Hoa, độ sanh vô lượng). Ngài khác Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật cả đời giảng kinh hơn ba trăm hội, trong tương lai Di Lạc Bồ Tát hạ sanh chỉ có ba hội. Hội của Ngài rất lớn, số người rất nhiều. Hội của Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng lớn, có những hội nhỏ chỉ có hai ba người, cũng là một hội. Một hôm hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài bèn thuyết pháp cho họ, [lời thuyết pháp ấy] cũng được ghi chép trong kinh A Hàm, quý vị thấy kinh văn rất ngắn, hai, ba trăm chữ, là một hội. Đại hội có khi lâu đến mấy năm, khác hẳn, dài ngắn khác nhau, nơi chốn cũng khác nhau. Long Hoa tam hội là ba lần đại pháp hội tại cùng một chỗ, độ sanh vô lượng, trong kinh điển đã nói như thế.

Hiện tại thuộc vào pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật, kẻ học Phật nhưng chưa thể đắc độ, đã gieo thiện căn, trong tương lai đến năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, trong khoảng thời gian ấy, chúng ta đã luân hồi chẳng biết bao nhiêu lần trong thế giới này. Đức Phật chẳng còn, có người thay thế Phật, điều này rất khó có, Địa Tạng Vương Bồ Tát thay thế Phật. Vì thế, Địa Tạng Vương Bồ Tát rất cực nhọc! Trong năm mươi bảy ức sáu ngàn vạn năm, Phật pháp đều do Địa Tạng Vương thay thế, Ngài ở nơi đây giáo hóa chúng sanh, vun bồi thiện căn, đợi khi Di Lạc Phật hạ sanh sẽ tham gia Long Hoa tam hội. Chúng ta có muốn làm như vậy hay không? Làm như vậy cũng được, nhưng thời gian rất dài. Nếu quý vị muốn thành Phật nhanh chóng hơn một chút, hãy niệm Phật để đến thế giới Cực Lạc gặp A Di Đà Phật, như vậy thì sẽ rất nhanh. Cho tới lúc nào Di Lạc Bồ Tát hạ sanh làm Phật, quý vị từ thế giới Cực Lạc hạ sanh lần nữa giúp đỡ Ngài, giống như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên là loại người như vậy, quý vị thừa nguyện tái lai, giúp đỡ Di Lạc Phật giáo hóa chúng sanh, trở thành đại đệ tử trong hội của ngài Di Lạc. Tôi tiết lộ tin tức này cho quý vị, còn cách làm ra sao chính mình có thể quyết định. Hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học đến đây.